

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Nhóm CTRCN thông thường	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	38.000	18 01 05
2	Kim loại (vỏ lon, hộp, tuýp, thùng phuy, chi tiết máy,...) không chứa thành phần nguy hại	40.000	18 01 08
3	Nhựa (can, thùng nhựa,...) không chứa thành phần nguy hại	7.000	18 01 06
	<b>Tổng</b>	<b>85.000</b>	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	CTR sinh hoạt từ hoạt động văn phòng, nhà vệ sinh, căn-tin	31.000
	<b>Tổng</b>	<b>31.000</b>

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được chứa trong các thùng nhựa dung tích 240 lít, thùng nhựa dung tích 660 lít, can nhựa, thùng phuy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 42,12m<sup>2</sup>; có dán biển cảnh báo, có mái che, tường bao, gờ bao, rãnh thu nước thải vệ sinh, ... tuân thủ quy định về quản lý CTNH.

- Kết cấu: Móng, đà kiềng, cột, sàn, nền bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch ốp gạch ceramic hoàn thiện bên ngoài. Mái bằng bê tông cốt thép. Có phân chia các khu vực chứa cho từng loại CTNH, mỗi khu vực chứa có dán nhãn nhận dạng và dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại. Sàn đảm bảo kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hóa học với CTNH.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì; thùng chứa riêng đối với từng loại chất thải, lưu trữ tại khu chứa chất thải rắn diện tích 30m<sup>2</sup> và ký hợp đồng với đơn vị có